

Số: /QĐ-UBND

Bình Định, ngày tháng năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng và Kế hoạch lựa chọn nhà thầu
Dự án: Cải tạo hệ thống tiêu thoát lũ và kết nối giao thông hai bờ
Suối Trầu Khu đô thị Long Vân, thành phố Quy Nhơn**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13/6/2019;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/6/2020;

Căn cứ Luật Đấu thầu ngày 26/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ về việc Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ về Quản lý chi phí đầu tư xây dựng; Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ về Quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ về Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Nghị định số 29/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ quy định về trình tự, thủ tục thẩm định dự án quan trọng quốc gia và giám sát, đánh giá đầu tư;

Căn cứ Thông tư số 08/2022/TT-BKHĐT ngày 31/5/2022 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định việc cung cấp, đăng tải thông tin về lựa chọn nhà thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia và Thông tư số 10/2015/TT-BKHĐT ngày 26/10/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc Quy định chi tiết về kế hoạch lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Quyết định số 66/2021/QĐ-UBND ngày 09/11/2021 của UBND tỉnh về việc Ban hành Quy định phân cấp và phân công trách nhiệm thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi, Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng và thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở đối với dự án đầu tư xây dựng sử dụng vốn đầu tư công trên địa bàn tỉnh Bình Định;

Căn cứ Nghị quyết số 25/NQ-HĐND ngày 06/12/2020 của HĐND tỉnh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư và sửa đổi, bổ sung chủ trương đầu tư một số dự án đầu tư công nhóm B của tỉnh Bình Định;

Căn cứ Nghị quyết số 37/NQ-HĐND ngày 07/9/2022 của HĐND tỉnh về việc điều chỉnh, bổ sung chủ trương đầu tư dự án Cải tạo hệ thống tiêu thoát lũ và kết nối giao thông hai bờ Suối Trầu Khu đô thị Long Vân, thành phố Quy Nhơn;

Căn cứ Quyết định số 3268/QĐ-UBND ngày 04/8/2021 của UBND tỉnh về việc phân bổ kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách địa phương giai đoạn 2021-2025; Quyết định số 5079/QĐ-UBND ngày 20/12/2021 của UBND tỉnh về việc phân bổ và giao kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách nhà nước năm 2022; Quyết định số 1113/QĐ-UBND ngày 06/4/2022 của UBND tỉnh về việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách địa phương giai đoạn 2021-2025 và kế hoạch đầu tư công năm 2022;

Căn cứ Quyết định số 1345/QĐ-UBND ngày 26/4/2022 của UBND tỉnh về việc điều chỉnh, bổ sung nội bộ và phân bổ chi tiết kế hoạch vốn ngân sách tỉnh năm 2022; Quyết định số 1669/QĐ-UBND ngày 27/5/2022 của UBND tỉnh về việc điều chỉnh, bổ sung nội bộ và phân bổ chi tiết kế hoạch vốn ngân sách nhà nước do tỉnh quản lý năm 2022;

Theo đề nghị của Ban Quản lý dự án Nông nghiệp và PTNT tại Tờ trình số 285/TTr-BQL ngày 28/11/2022, ý kiến thẩm định của Sở Xây dựng tại Văn bản số 293/SXD-HTKTTĐ ngày 25/11/2022 và đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Báo cáo số 772/BC-SKHĐT ngày 30/11/2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt dự án đầu tư xây dựng và Kế hoạch lựa chọn nhà thầu, dự án Cải tạo hệ thống tiêu thoát lũ và kết nối giao thông hai bờ Suối Trầu Khu đô thị Long Vân, thành phố Quy Nhơn, với các nội dung chủ yếu như sau:

I. Phê duyệt dự án đầu tư xây dựng

1. Tên dự án: Cải tạo hệ thống tiêu thoát lũ và kết nối giao thông hai bờ Suối Trầu Khu đô thị Long Vân, thành phố Quy Nhơn.

2. Cấp quyết định chủ trương đầu tư: HĐND tỉnh Bình Định.

3. Người quyết định đầu tư: Chủ tịch UBND tỉnh Bình Định.

4. Chủ đầu tư: Ban Quản lý dự án Nông nghiệp và PTNT tỉnh Bình Định.

5. Mục tiêu đầu tư dự án:

Từng bước thực hiện Khu đô thị Long Vân, thành phố Quy Nhơn theo quy hoạch, mục tiêu phát triển thành khu đô thị mới hiện đại về tổ chức không gian, kiến trúc, cảnh quan; đồng bộ hệ thống hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội với tính chất chính là đô thị trí tuệ nhân tạo (*nghiên cứu, đào tạo, sản xuất phần mềm, khu ở, đất công cộng - dịch vụ đô thị, cây xanh mặt nước và hạ tầng kỹ thuật*).

6. Nội dung và quy mô đầu tư dự án:

- Xây dựng 02 cầu giao thông và các tuyến đường nối với đường Tây tỉnh.

- Nạo vét, cải tạo một phần hồ Bàu Lác và suối Trầu thuộc phạm vi thượng, hạ lưu 02 cầu để tăng khả năng thoát lũ; gia cố chống xói lở trong phạm vi nạo vét thượng hạ lưu cầu.

- Bồi thường, giải phóng mặt bằng khoảng 9,0 ha; gồm đất trồng lúa và các loại đất khác.

7. Phương án thiết kế cơ sở:

7.1. Cầu giao thông số 1 và tuyến đường nối:

a. Cầu giao thông số 1:

- Xây dựng cầu dầm vĩnh cửu bằng bê tông cốt thép và bê tông cốt thép dự ứng lực.

- Tần suất thiết kế $P = 1\%$.

- Tải trọng thiết kế: HL93.

- Khổ cầu: $B = 2\text{ m} + 9\text{ m} + 2\text{ m} + 9\text{ m} + 2\text{ m} = 24,0\text{ m}$ (gồm 2 đơn nguyên).

- Chiều dài nhịp $L_n = 20\text{ m}$ gồm 05 nhịp; chiều dài toàn cầu $L_c = 115,55\text{ m}$.

- Kết cấu phần trên: Cầu gồm 05 nhịp giản đơn 20 m, kết cấu mỗi nhịp như sau:

+ Mặt cắt ngang cầu gồm 2 đơn nguyên, mỗi đơn nguyên gồm 11 dầm bằng bê tông cốt thép 40Mpa dự ứng lực, khoảng cách dầm $a = 1\text{ m}$, chiều cao dầm $h = 0,65\text{ m}$; liên kết bản bằng bê tông cốt thép 30Mpa, lớp phủ mặt cầu bằng bê tông nhựa C16, dày 5 cm; lớp phòng nước dày 0,4 cm.

+ Tại vị trí đầu, giữa và cuối mỗi nhịp bố trí cáp ngang cường độ cao, dùng loại 4 tao 7 sợi; đường kính tao 12,7 mm theo ASTM A416 – G270 độ chùng thấp.

+ Độ dốc ngang cầu $i = 2\%$.

+ Gờ lan can, bó vỉa dải phân cách giữa bằng bê tông cốt thép 30Mpa.

+ Tấm bản kê lè bộ hành, dải phân cách giữa bằng cấu kiện đúc sẵn bê tông cốt thép 30Mpa.

+ Lan can tay vịn bằng thép mạ kẽm.

+ Khe co giãn bằng thép dạng răng lược.

+ Bản vượt đầu cầu bằng bê tông cốt thép 25MPa.

- Kết cấu phần dưới:

+ Mô cầu: Dạng chữ U, gồm 02 đơn nguyên, đặt trên hệ cọc khoan nhồi bằng bê tông cốt thép 30MPa. Bộ móng, thân mô, tường ngực, tường cánh bằng bê tông cốt thép 30MPa.

+ Trụ cầu: Dạng trụ thân cột, móng trụ bằng cọc khoan nhồi bê tông cốt thép 30MPa đường kính 150 cm. Giằng trụ, thân trụ, mũ trụ bê tông cốt thép 30MPa.

b. Tuyến đường nối: Xây dựng tuyến đường theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 07-4:2016/BXD (đường chính khu vực). Các thông số kỹ thuật:

- Kết cấu nền đường: Đắp bằng cấp phối đồi đầm chặt K95, lớp sát móng dày 50 cm đầm chặt K98.

- Kết cấu mặt đường từ trên xuống như sau: Lớp bê tông nhựa C16, dày 5 cm; tưới nhựa dính bám $0,5\text{Kg/m}^2$; lớp bê tông nhựa C19, dày 7 cm; tưới nhựa dính bám $1,0\text{Kg/m}^2$; lớp cấp phối đá dăm loại I ($D_{max} 25$) dày 15 cm; lớp cấp phối đá dăm loại I ($D_{max} 37,5$) dày 30 cm.

- Tốc độ thiết kế $V_{tk} = 50 \text{ Km/h}$.

- Mô đun đàn hồi yêu cầu mặt đường: $E_{yc} = 155\text{Mpa}$.

- Tải trọng trục tính toán: 100 Kn.

- Chiều dài tuyến $L = 701,32 \text{ m}$.

- Bề rộng nền đường $B_n = 30,0 \text{ m}$. Trong đó:

+ Bề rộng mặt đường xe cơ giới: $B_m = (2 \times 3,5) \text{ m} = 7,0 \text{ m}$.

+ Bề rộng mặt đường xe hỗn hợp: $B_m = (2 \times 4,5) \text{ m} = 9,0 \text{ m}$.

+ Bề rộng dải an toàn: $B_{at} = (2 \times 0,5 \times 2) \text{ m} = 2,0 \text{ m}$.

+ Bề rộng vỉa hè: $B_{vh} = (2 \times 5,0) \text{ m} = 10,0 \text{ m}$.

+ Bề rộng dải phân cách giữa: $B_{pc} = 2,0 \text{ m}$.

+ Vỉa hè, giải phân cách bằng đá Granite.

- Dốc ngang mặt đường $i = 2\%$.

- Dốc ngang vỉa hè $i = 1,5\%$.

- Cây xanh: Trồng cây xanh dọc theo vỉa hè và giải phân cách.

- Mái taluy đường giao thông được trồng cỏ. Riêng hai đoạn đường đầu cầu được gia cố bằng bê tông đá $1 \times 2 \text{ M}200$ dày 15 cm.

c. Thoát nước mưa mặt đường:

* Đoạn phía mố M1:

- Công dọc: Được bố trí 2 bên nằm dưới lòng đường.

+ Công dọc bên trái: Sử dụng công tròn chịu lực H30 ($\text{Ø}60 - \text{Ø}120$)cm, bố trí dưới lòng đường. Công dọc dẫn về cửa xả.

+ Công dọc bên phải: Sử dụng công tròn chịu lực H30 $2\text{Ø}150\text{cm}$ (đầu nối với công hiện trạng tại nút giao với đường DT.638) bố trí dưới lòng đường. Công dọc dẫn về cửa xả.

* Đoạn phía mố M2:

- Thiết kế tuyến công hộp kích thước $(4 \times 2)\text{m}$ (chờ thu nước lưu vực phía Tây dẫn ra cửa xả hạ lưu mố M2), bịt đầu công bằng bê tông 16MPa dày 20 cm chờ kết nối trong tương lai.

- Công ngang: Sử dụng công tròn chịu lực H30 $\text{Ø}80\text{cm}$, kết hợp hố ga (bằng bê tông cốt thép đặt dưới lòng đường) 2 đầu để thu nước về công hộp.

* Hố ga và hố thu nước mưa:

- Bố trí hệ thống hố ga bằng Bê tông cốt thép 2 bên, nằm dưới lòng đường kết hợp với cửa thu nước bố trí dạng nắp gang chắn rác đặt dưới lòng đường.

- Nắp hố ga bằng gang chịu lực H30.

- Hố thu nước mưa có bố trí van lật ngăn mùi.

d. Hào tụy nén kỹ thuật:

- Thiết kế hào kỹ thuật chạy dọc tuyến nằm trên vỉa hè 2 bên và hào kỹ thuật qua đường. Hào dạng 3 ngăn, bằng bê tông cốt thép đổ tại bãi, vận chuyển lắp ghép hào kỹ thuật.

- Trên cầu, hai bên lề bộ hành, mỗi bên bố trí 6 ống HDPE gân xoắn D195/150mm.

đ. Nạo vét, cải tạo một phần hồ Bàu Lác và suối Trầu trong phạm vi thượng hạ lưu cầu: Nạo vét và gia cố bảo vệ mái bằng tấm lát bê tông dạng âm dương kích thước (45x45x12) cm. Chiều dài từ tim cầu về 02 phía thượng lưu hạ lưu mỗi phía dài 50m, chiều sâu nạo vét từ mặt đất tự nhiên xuống cao độ +0,00.

e. Hạng mục an toàn giao thông: Xây dựng đầy đủ hệ thống an toàn giao thông theo quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về báo hiệu đường bộ QCVN 41-2019/BGTVT.

g. Hạng mục điện chiếu sáng: Xây dựng đường dây chiếu sáng đi ngầm trong dải phân cách giữa và hệ thống đèn điện chiếu sáng đèn Led 150 W, nguồn điện được đấu nối nguồn hiện có tuyến đường ĐT638 (Long Vân – Long Mỹ).

7.2. Cầu giao thông số 2 và tuyến đường nối:

a. Cầu giao thông số 2:

- Xây dựng cầu dầm vĩnh cửu bằng bê tông cốt thép và bê tông cốt thép dự ứng lực.

- Tần suất thiết kế $P = 1\%$.

- Tải trọng thiết kế: HL93.

- Khổ cầu: $B = 2 \text{ m} + 10,5 \text{ m} + 3 \text{ m} + 10,5 \text{ m} + 2 \text{ m} = 28 \text{ m}$ (gồm 2 đơn nguyên).

- Chiều dài nhịp $L_n = 20 \text{ m}$, gồm 05 nhịp; chiều dài toàn cầu $L_c = 113,55 \text{ m}$.

- Kết cấu phần trên: Cầu gồm 05 nhịp giản đơn 20 m, kết cấu mỗi nhịp như sau:

+ Mặt cắt ngang cầu gồm 2 đơn nguyên, mỗi đơn nguyên gồm 13 dầm bằng bê tông cốt thép 40Mpa dự ứng lực, khoảng cách dầm $a = 1 \text{ m}$; chiều cao dầm $h = 0,65 \text{ m}$; liên kết bản bằng bê tông cốt thép 30Mpa, lớp trên bằng bê tông nhựa C16, dày 5 cm; lớp phòng nước dày 0,4 cm.

+ Tại vị trí đầu, giữa và cuối mỗi nhịp bố trí cáp ngang cường độ cao, dùng loại 4 tao 7 sợi; đường kính tao 12,7 mm theo ASTM A416 – G270 độ chùng thấp.

+ Độ dốc ngang cầu $i = 2\%$.

+ Gờ lan can, bó vỉa dải phân cách giữa bằng bê tông cốt thép 30Mpa.

+ Tấm bản kê lê bộ hành, dải phân cách giữa bằng cầu kiện đúc sẵn bê tông cốt thép 30MPa.

+ Lan can tay vịn bằng thép mạ kẽm.

+ Khe co giãn bằng thép dạng răng lược.

+ Bản vượt đầu cầu bằng bê tông cốt thép 25MPa.

- Kết cấu phần dưới:

+ Mố cầu: Dạng chữ U, gồm 02 đơn nguyên, đặt trên hệ cọc khoan nhồi bằng bê tông cốt thép 30MPa. Bộ mố, thân mố, tường ngực, tường cánh bằng bê tông cốt thép 30MPa.

+ Trụ cầu: Dạng trụ thân cột, móng trụ bằng cọc khoan nhồi bê tông cốt thép 30MPa đường kính 150 cm. Giằng trụ, thân trụ, mũ trụ bê tông cốt thép 30MPa.

b. Tuyến đường nói: Xây dựng tuyến đường theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 07-4:2016/BXD (*đường chính khu vực*). Các thông số kỹ thuật:

- Kết cấu nền đường: Đắp bằng cấp phối đồi đầm chặt K95, lớp sát móng dày 50 cm đầm chặt K98.

- Kết cấu mặt đường từ trên xuống như sau: Lớp bê tông nhựa C16, dày 5cm; tưới nhựa dính bám $0,5\text{Kg/m}^2$; lớp bê tông nhựa C19, dày 7 cm; tưới nhựa dính thấm $1,0\text{Kg/m}^2$; lớp cấp phối đá dăm loại I ($D_{max} 25$) dày 15 cm; lớp cấp phối đá dăm loại I ($D_{max} 37,5$) dày 30 cm.

- Tốc độ thiết kế $V_{tk} = 50 \text{ Km/h}$.

- Mô đun đàn hồi yêu cầu mặt đường: $E_{yc} = 155\text{MPa}$

- Tải trọng trục tính toán/1 trục: 100 Kn.

- Chiều dài tuyến $L = 346,54 \text{ m}$.

- Bề rộng nền đường $B_n = 33,0 \text{ m}$. Trong đó:

+ Bề rộng mặt đường xe cơ giới: $B_m = (2 \times 3,5 \times 2) \text{ m} = 14,0 \text{ m}$.

+ Bề rộng mặt đường xe thô sơ: $B_m = (2 \times 2,5) \text{ m} = 5,0 \text{ m}$.

+ Bề rộng dải an toàn: $B_{at} = (2 \times 0,5 \times 2) \text{ m} = 2,0 \text{ m}$.

+ Bề rộng vỉa hè: $B_{vh} = (2 \times 4,5) \text{ m} = 9,0 \text{ m}$.

+ Bề rộng dải phân cách giữa: $B_{pc} = 3,0 \text{ m}$.

+ Vỉa hè, giải phân cách bằng đá Granite.

- Dốc ngang mặt đường $i = 2\%$.

- Dốc ngang vỉa hè $i = 1,5\%$.

- Cây xanh: Trồng cây xanh dọc theo vỉa hè và giải phân cách.

- Mái taluy đường giao thông được trồng cỏ. Riêng hai đoạn đường đầu cầu được gia cố bằng bê tông đá (1x2) M200 dày 15 cm.

c. Thoát nước mưa mặt đường:

* Đoạn phía mố M1:

- Công dọc: Được bố trí 2 bên nằm dưới lòng đường.

+ Công dọc bên trái: Sử dụng công tròn chịu lực H30 2Ø150cm (*đầu nối với công hiện trạng tại nút giao với đường ĐT.638*) bố trí dưới lòng đường. Công dọc dẫn về cửa xả.

+ Công dọc bên phải: Sử dụng công tròn chịu lực H30 2Ø200cm (*đầu nối với công hiện trạng*) bố trí dưới lòng đường. Công dọc dẫn về cửa xả.

* Đoạn phía mố M2: Công dọc được bố trí 2 bên nằm dưới lòng đường. Sử dụng công tròn chịu lực H30 2Ø180cm (*chờ thu nước lưu vực phía Tây dẫn ra cửa xả mố M2*). Công dọc dẫn về cửa xả.

* Hố ga, hố thu:

- Bố trí hệ thống hố ga bằng bê tông cốt thép 2 bên, nằm dưới lòng đường kết hợp với cửa thu nước bố trí dạng nắp gang chắn rác đặt dưới lòng đường.

- Nắp hố ga bằng gang chịu lực H30.

- Hố thu nước mưa có bố trí van lật ngăn mùi.

d. Hào tụy nén kỹ thuật:

- Thiết kế hào kỹ thuật chạy dọc tuyến nằm trên vỉa hè 2 bên và hào kỹ thuật qua đường. Hào dạng 3 ngăn, bằng bê tông cốt thép đổ tại bãi, vận chuyển lắp ghép hào kỹ thuật.

- Trên cầu, hai bên lề bộ hành, mỗi bên bố trí 6 ống HDPE gân xoắn D195/150mm.

đ. Nạo vét, cải tạo một phần hồ Bàu Lác và suối Trầu trong phạm vi thượng hạ lưu cầu: Nạo vét và gia cố bảo vệ mái bằng tấm lát bê tông dạng âm dương kích thước (45x45x12) cm. Chiều dài từ tim cầu về 02 phía thượng lưu hạ lưu mỗi phía dài 50m, chiều sâu nạo vét từ mặt đất tự nhiên xuống cao độ +1,0.

e. Hạng mục an toàn giao thông: Xây dựng đầy đủ hệ thống an toàn giao thông theo quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về báo hiệu đường bộ QCVN 41-2019/BGTVT.

g. Hạng mục điện chiếu sáng: Xây dựng đường dây chiếu sáng đi ngầm trong dải phân cách giữa và hệ thống đèn điện chiếu sáng đèn Led 150 W, nguồn điện được đầu nối nguồn chiếu sáng hiện có tuyến đường ĐT638 (*Long Vân – Long Mỹ*).

(Chi tiết nội dung và quy mô đầu tư xây dựng dự án theo như hồ sơ Báo cáo nghiên cứu khả thi do Liên danh Viện Đào tạo và Khoa học ứng dụng Miền Trung và Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế Giao thông Bình Định lập, được Sở Xây dựng Bình Định thẩm định tại Văn bản số 293/SXD-HTKTTĐ ngày 25/11/2022).

8. Tổ chức tư vấn khảo sát, tư vấn lập Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng: Liên danh Viện Đào tạo và Khoa học ứng dụng Miền Trung và Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế Giao thông Bình Định.

9. Địa điểm xây dựng và diện tích đất sử dụng:

- Địa điểm xây dựng: Phường Bùi Thị Xuân, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

- Diện tích đất sử dụng: 9,0 ha.

10. Loại, nhóm dự án, cấp công trình: Công trình giao thông, dự án nhóm B, công trình cấp III.

11. Số bước thiết kế, danh mục tiêu chuẩn chủ yếu được lựa chọn:

- Số bước thiết kế: Thiết kế hai bước.

- Danh mục Quy chuẩn, Tiêu chuẩn chủ yếu được lựa chọn: Theo hồ sơ Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án do Liên danh Viện Đào tạo và Khoa học ứng dụng Miền Trung và Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế Giao thông Bình Định lập, được Sở Xây dựng Bình Định thẩm định tại Văn bản số 293/SXD-HTKTTĐ ngày 25/11/2022.

12. Tổng mức đầu tư dự án: 330.000.000.000 đồng (Ba trăm ba mươi tỷ đồng).

Trong đó:

- Chi phí bồi thường, hỗ trợ và TĐC	:	67.090.519.000	đồng;
- Chi phí xây dựng	:	203.767.972.000	đồng;
- Chi phí quản lý dự án	:	3.097.273.000	đồng;
- Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng	:	7.624.217.000	đồng;
- Chi phí chi khác	:	8.415.290.000	đồng;
- Chi phí dự phòng	:	40.004.729.000	đồng.

13. Tiến độ thực hiện dự án: Năm 2022 - 2025.

14. Nguồn vốn đầu tư: Thực hiện theo Nghị quyết số 25/NQ-HĐND ngày 06/12/2020 của HĐND tỉnh.

15. Hình thức tổ chức quản lý dự án được áp dụng: Chủ đầu tư trực tiếp quản lý dự án.

16. Phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư: Ban Quản lý dự án Nông nghiệp và PTNT Bình Định chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện công tác bồi thường GPMB theo đúng quy định hiện hành (phương án GPMB chưa được thẩm định theo quy định, báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét).

17. Đơn vị quản lý vận hành, khai thác công trình: Giao UBND thành phố Quy Nhơn tiếp nhận quản lý, vận hành và khai thác sử dụng công trình.

18. Các nội dung khác:

- Trong quá trình triển khai thực hiện dự án, Chủ đầu tư chịu trách nhiệm thực hiện đầy đủ các nội dung đã được Sở Xây dựng Bình Định thẩm định nêu tại Văn bản số 293/SXD-HTKTTĐ ngày 25/11/2022.

- Chủ đầu tư chịu trách nhiệm hoàn thiện, bổ sung hồ sơ dự án đầy đủ theo các quy định tại Điều 18 Nghị định số 40/2020/NĐCP ngày 06/4/2020 của Chính phủ; khoản 2 và khoản 3 Điều 44, Điều 74 của Luật đầu tư công số 39/2019/QH14 ngày 13/6/2019; nội dung đánh giá dự án đầu tư công thực hiện theo quy định tại Điều 73 Luật Đầu tư công; phương pháp và tiêu chí đánh giá hiệu quả đầu tư dự án đầu tư công thực hiện theo quy định tại Khoản 4 Điều 55 của Nghị định số 29/2021/NĐ-CP của Chính phủ; đồng thời, cập nhật các thông tin báo cáo của dự án vào Hệ thống thông tin giám sát, đánh giá đầu tư theo quy định tại Điều 101 Nghị định số 29/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ; báo cáo cấp có thẩm quyền theo quy định.

II. Phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự án Cải tạo hệ thống tiêu thoát lũ và kết nối giao thông hai bờ Suối Trầu Khu đô thị Long Vân, thành phố Quy Nhơn với nội dung chi tiết theo phụ lục kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Ban Quản lý dự án Nông nghiệp và PTNT chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện Quyết định này theo đúng quy định của Nhà nước về quản lý dự án, quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình và các quy định hiện hành của Nhà nước.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Xây dựng; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Giám đốc Ban Quản lý dự án Nông nghiệp và PTNT; Chủ tịch UBND thành phố Quy Nhơn và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- CT UBND tỉnh;
- Các PCT UBND tỉnh;
- LĐVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, K10.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Tuấn Thanh

PHỤ LỤC KẾ HOẠCH LỰA CHỌN NHÀ THẦU
Dự án: Cải tạo hệ thống tiêu thoát lũ và kết nối giao thông hai bờ Suối Trầu
Khu đô thị Long Vân, thành phố Quy Nhơn
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2022 của Chủ tịch UBND tỉnh)

TT	Tên gói thầu	Giá gói thầu (1.000 đồng)	Nguồn vốn	Hình thức lựa chọn nhà thầu	Phương thức lựa chọn nhà thầu	Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu	Loại hợp đồng	Thời gian thực hiện hợp đồng
1	Lập nhiệm vụ khảo sát giai đoạn lập Thiết kế BVTC và Dự toán	11.474	Vốn ngân sách nhà nước do tỉnh quản lý	Tự thực hiện	Thỏa thuận giao việc	Tháng 12/2022	Trọn gói	05 ngày
2	Lập E-HSMT và đánh giá E-HSDT gói thầu Tư vấn khảo sát, lập Thiết kế BVTC và Dự toán	4.987		Tự thực hiện	Thỏa thuận giao việc	Tháng 12/2022	Trọn gói	02 tháng
3	Tư vấn khảo sát, lập Thiết kế BVTC và Dự toán	2.493.417		Đấu thầu rộng rãi qua mạng	Một giai đoạn, hai túi hồ sơ	Tháng 12/2022	Trọn gói	04 tháng
4	Giám sát công tác khảo sát giai đoạn lập Thiết kế BVTC và Dự toán	15.574		Tự thực hiện	Thỏa thuận giao việc	Quý I/2023	Trọn gói	03 tháng
5	Thẩm định giá trị vật tư, thiết bị	14.000		Chỉ định thầu	Thương thảo hợp đồng	Quý I; Quý II/2023	Trọn gói	01 tháng
6	Tư vấn thẩm tra thiết kế BVTC và Dự toán	300.641		Chỉ định thầu	Thương thảo hợp đồng	Quý I; Quý II/2023	Trọn gói	02 tháng

TT	Tên gói thầu	Giá gói thầu (1.000 đồng)	Nguồn vốn	Hình thức lựa chọn nhà thầu	Phương thức lựa chọn nhà thầu	Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu	Loại hợp đồng	Thời gian thực hiện hợp đồng
7	Tư vấn khảo sát, lập Phương án kỹ thuật thi công và Dự toán rà phá bom mìn, vật nổ	18.000	Vốn ngân sách nhà nước do tỉnh quản lý	Chỉ định thầu	Thương thảo hợp đồng	Quý I/2023	Trọn gói	01 tháng
8	Thi công Rà phá bom mìn, vật nổ	600.000		Chỉ định thầu	Thương thảo hợp đồng	Quý I; Quý II/2023	Trọn gói	02 tháng
9	Tư vấn kiểm tra, giám định chất lượng rà phá bom mìn, vật nổ	6.000		Chỉ định thầu	Thương thảo hợp đồng	Quý I; Quý II/2023	Trọn gói	01 tháng
10	Tư vấn khảo sát lập Thiết kế kỹ thuật và Dự toán đo đạc chỉnh lý và trích đo bản đồ địa chính	3.217		Chỉ định thầu	Thương thảo hợp đồng	Quý I/2023	Trọn gói	01 tháng
11	Tư vấn đo đạc chỉnh lý và trích đo bản đồ địa chính	106.660		Chỉ định thầu	Thương thảo hợp đồng	Quý I; Quý II/2023	Trọn gói	02 tháng
12	Tư vấn kiểm tra nghiệm thu đo đạc bản đồ địa chính	3.937		Chỉ định thầu	Thương thảo hợp đồng	Quý I; Quý II/2023	Trọn gói	02 tháng
13	Cắm mốc giải phóng mặt bằng	263.035		Chỉ định thầu	Thương thảo hợp đồng	Quý I; Quý II/2023	Trọn gói	02 tháng

TT	Tên gói thầu	Giá gói thầu (1.000 đồng)	Nguồn vốn	Hình thức lựa chọn nhà thầu	Phương thức lựa chọn nhà thầu	Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu	Loại hợp đồng	Thời gian thực hiện hợp đồng
14	Lập E-HSMT và đánh giá E-HSDT, gói thầu Thi công xây dựng công trình	100.000		Tự thực hiện	Thỏa thuận giao việc	Quý II; Quý III/2023	Trọn gói	02 tháng
15	Toàn bộ khối lượng xây dựng công trình	221.299.447 (Trong đó: - Chi phí xây dựng: 203.767.972 ; - Chi phí lắp đặt, tháo dỡ trạm trộn BTXM: 173.139; - Chi phí xây dựng trạm biến áp: 332.158; - Chi phí dự phòng phát sinh KL 5%: 10.213.664; - Chi phí dự phòng trượt giá 3,335%: 6.812.514)	Vốn ngân sách nhà nước do tỉnh quản lý	Đấu thầu rộng rãi qua mạng	Một giai đoạn, hai túi hồ sơ	Quý II; Quý III/2023	Theo đơn giá điều chỉnh	22 tháng
16	Giám sát thi công xây dựng hạng mục giao thông và hạ tầng kỹ thuật	2.640.003		Đấu thầu rộng rãi qua mạng	Một giai đoạn, hai túi hồ sơ	Quý II; Quý III/2023	Trọn gói	Theo thời gian thi công
17	Giám sát thi công xây dựng hạng mục Điện chiếu sáng	26.290		Chi định thầu	Thương thảo hợp đồng	Quý II; Quý III/2023	Trọn gói	Theo thời gian thi công

TT	Tên gói thầu	Giá gói thầu (1.000 đồng)	Nguồn vốn	Hình thức lựa chọn nhà thầu	Phương thức lựa chọn nhà thầu	Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu	Loại hợp đồng	Thời gian thực hiện hợp đồng
18	Lập E-HSMT và đánh giá E-HSDT, gói thầu Bảo hiểm xây dựng công trình	2.000	Vốn ngân sách nhà nước do tỉnh quản lý	Tự thực hiện	Thỏa thuận giao việc	Quý II; Quý III/2023	Trọn gói	02 tháng
19	Bảo hiểm xây dựng công trình	806.872		Đấu thầu rộng rãi qua mạng	Một giai đoạn, một túi hồ sơ	Quý II; Quý III/2023	Trọn gói	Theo thời gian thi công
20	Lập E-HSMT và đánh giá E-HSDT, gói thầu Tư vấn kiểm toán công trình	2.000		Tự thực hiện	Thỏa thuận giao việc	Quý IV/2024	Trọn gói	02 tháng
21	Kiểm toán độc lập công trình	940.170		Đấu thầu rộng rãi qua mạng	Một giai đoạn, hai túi hồ sơ	Quý IV/2024	Trọn gói	03 tháng
Tổng cộng giá trị các gói thầu: 229.657.724.000 đồng <i>(Hai trăm hai mươi chín tỷ, sáu trăm năm mươi bảy triệu, bảy trăm hai mươi bốn nghìn đồng)</i>								

Giá trị các gói thầu được lập theo kết quả tổng hợp trên cơ sở kết quả thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng tại Văn bản số 293/SXD-HTKTTĐ ngày 25/11/2022 của Sở Xây dựng Bình Định; khi triển khai thực hiện Chủ đầu tư có trách nhiệm cập nhật lại giá các gói thầu (bước thiết kế bản vẽ thi công – dự toán) theo quy định hiện hành trước khi triển khai tổ chức lựa chọn nhà thầu.